

Số: 146/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 27/09/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết;

- Bà Nguyễn Bích Hạnh;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Đặng Thị Sơn
Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 108/2024/TLPT-HN&GD ngày 27 tháng 08 năm 2024. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 267A/2024/HN&GD-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 274/2024/QĐPT-HN&GD ngày 10 /9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1986; (Có mặt)

HKTT: NC2 **Khu đô thị M, T, huyện T, Hà Nội.**

Địa chỉ: **C, tòa S Vinhomes S, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.**

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1983; (Có mặt)

Địa chỉ: **C tòa G2 V, phường M, quận N, Hà Nội.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T8**; Địa chỉ: **Tầng A - 2 tòa nhà H, số A M, phường L, quận H, Hà Nội**; Đại diện theo pháp luật: Bà **Đỗ Thị Thúy V** – Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Khắc T1**, Bà **Nguyễn Thị Cẩm L**, Ông **Nguyễn Ngọc T2**, Bà **Nguyễn Hoài V1**, bà **Hồ Ngọc V2**, bà **Phạm Thị D**. (Bà **D** có mặt).

+ Công ty cổ phần P2 – Nay là Công ty cổ phần V3; Địa chỉ: Tầng B Trung tâm thương mại V, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị và anh N đã ly hôn theo bản án số 179/2022/HNGD-ST cấp ngày 29/8/2022 do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cấp.

Trong bản án có ghi rõ về phần Tài sản chung và nợ chung cả hai anh chị tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung để tự thỏa thuận. Tuy nhiên đến giờ anh N không đồng tình đưa ra bất kỳ thỏa thuận nào mà cố ý giữ nhà để sử dụng riêng. Vì vậy, chị T yêu cầu tòa đứng ra giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của cả hai anh chị theo quy định của pháp luật.

1. Tài sản chung của chị và anh Trần Văn N bao gồm:

- Căn hộ 34.20, Tòa G2, V, M, N, Hà Nội. Được cấp theo HĐMB số G23420/VHGB/HĐMBCH của Công ty cổ phần P2. Nay được sát nhập về Công ty cổ phần V3. Căn hộ này khi mua là căn hộ bàn giao thô, hiện chưa có Giấy chứng nhận quyền sở hữu. Mới chỉ có hợp đồng mua bán với chủ đầu tư. Giá trị ước tính của căn hộ ở thời điểm hiện tại theo giá thị trường là 3.200.000.000 (ba tỷ hai trăm triệu đồng). Trong đó công nợ ngân hàng là khoảng 1.044.000.000.

- Xe ô tô Kia Morning, Biển số 30A-828.86 chị T là người đứng tên đăng ký xe. Giá trị ước tính của chiếc xe ở thời điểm hiện tại theo giá thị trường là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Nợ chung của chị và anh Trần Văn N bao gồm:

Khoản vay nợ ngân hàng TMCP V4 để trả góp mua căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay theo Hợp đồng cho vay số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420. Bên vay là anh N và chị.

Vậy tổng tài sản ước tính: 3.320.000.000 và công nợ chung 1.044.000.000.

Chị Nguyễn Thị Phương T đề nghị quý Tòa tạo điều kiện sớm giải quyết chia tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị không tiến hành hòa giải.

3. Về thỏa thuận cá nhân giữa chị và anh Trần Văn N:

Sau khi Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý vụ án để giải quyết, anh N đã đề nghị chị: Rút đơn kiện tại Tòa, yêu cầu chị từ chối tài sản để anh N đứng ra làm thủ tục xin Giấy chứng nhận quyền sở hữu và sử dụng căn hộ G2-34.20 (tài sản đang tranh chấp) và chỉ đứng tên một mình anh N. Sau đó anh N sẽ tự bán căn hộ và sẽ trả nợ Ngân hàng rồi chia đôi phần tiền còn lại cho chị một nửa. Chị đã không đồng ý yêu cầu của anh N.

Mặt khác, chị cũng có đề xuất với anh **N** rằng: Anh **N** làm đơn từ chối tài sản để chị đứng ra làm thủ tục xin Giấy chứng nhận quyền sở hữu và sử dụng Căn hộ nêu trên (chỉ đứng tên một mình chị để thuận tiện trong việc chuyển nhượng lại căn hộ cho người khác). Sau đó chị sẽ trả nợ Ngân hàng khoản vay trước đây, rồi chia đôi phần tiền còn lại cho anh **N** một nửa, nhưng anh **N** cũng đã không đồng ý.

Ngoài ra, chị có đề xuất với anh **N** phương án: Chị và anh **N** lập vi bằng, thỏa thuận rằng chị và anh **N** sẽ cùng đứng ra làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu và sử dụng căn hộ G2-34.20 theo diện đồng sở hữu, rồi bán căn hộ đi, trả nợ khoản vay chung với Ngân hàng, phần còn lại chia đôi theo quy định của pháp luật. Vi bằng này sẽ nộp cho Tòa án để Tòa làm căn cứ ra Quyết định công nhận hòa giải thành. Nhưng anh **N** cũng đã không đồng ý với phương án chị đưa ra. Vì vậy thỏa thuận giữa anh chị về việc chia tài sản chung và nợ chung đã không thành công.

4. Về khoản nợ chung chị **T** đã đưa ra trong Đơn Bổ sung ngày 01/02/2024:

Trong Đơn bổ sung chị **T** đã gửi kèm theo tài liệu gồm có:

- Khoản vay bà **Nguyễn Thị Hồng T3**, sinh năm 1988; Địa chỉ: NC2, KĐT mới **Cầu B, xã T, huyện T, Hà Nội**; Số tiền vay là 797.400.000 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), có giao dịch chuyển khoản qua Ngân hàng.

- Khoản vay bà **Nguyễn Thị Minh P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: NC2, KĐT mới **Cầu B, xã T, huyện T, Hà Nội**; Số tiền vay: 214.500.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), có giao dịch chuyển khoản qua ngân hàng. (Chị đã gửi đính kèm bản gốc sao kê của Ngân hàng về giao dịch 02 khoản vay này)

Tuy nhiên, theo như Đơn đề nghị của anh **N** ngày 17 tháng 2 năm 2024 có nội dung: Anh **N** chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận những khoản nợ cá nhân của anh với ông **Trần Văn T4** và **Trần Văn T5**, nhưng không có tài liệu gửi kèm. Anh **N** không đề nghị Tòa án đưa vào giải quyết theo diện khoản nợ chung, mà anh **N** sẽ tự trả nợ cá nhân.

Do vậy, trường hợp anh **N** đề nghị như vậy thì chị cũng đề nghị Tòa án ghi nhận hai khoản nợ của chị với bà **Nguyễn Thị Hồng T3** và **Nguyễn Thị Minh P**. Chị xin rút lại yêu cầu Tòa án đưa hai khoản nợ này vào mục chia nợ chung. Bà **T3** và bà **P** cũng không có yêu cầu trả nợ độc lập với khoản nợ này tại Tòa án. Chị sẽ tự thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà **T3** và bà **P** sau khi tài sản chung là căn hộ G2-34.20 và xe ô tô được Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh **Trần Văn N trình bày:** Anh là người muốn chia tài sản khi anh và cô **T** còn trong thời gian hôn nhân. Anh nộp đơn tại Tòa án quân Nam Từ Liêm ngày 12/12/2019. Do cá nhân anh đứng lên mua nhà có vay mượn người thân, bạn bè và ngân hàng (dưới dạng gần như đầu tư, mua liều với tư duy sau đó nếu làm ăn tốt trả được nợ thì thành nhà của mình, không được thì bán trả nợ)

nhưng sau đó thấy công việc khó khăn, nợ lãi ngân hàng nhiều và không có phương án kiếm thêm thu nhập trả nợ nên muốn bán nhà nhưng cô **T** chỉ đồng ý bán chia đôi, chối bỏ trách nhiệm anh đứng lên vay mua nhà, với lý do không vay nên không chịu trách nhiệm trả nợ (*Trừ nợ ngân hàng do khi vay ngân hàng yêu cầu cả 2 cùng ký tên mới cho vay nhưng cá nhân anh chịu trách nhiệm trả nợ cho đến hiện tại*). Anh buộc phải nộp đơn chia tài sản và nợ để giải quyết các món nợ đã vay liên quan đến nhà và xe ô tô (anh cũng đứng lên vay và trả nợ xe). Sau đó cô **T** nộp đơn phản tố, do lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn lần nữa ra tòa, khiến anh phải rút đơn chia tài sản. Sau khi anh rút đơn chia tài sản thì cô **T** cũng rút đơn xin ly hôn khiến vụ việc rơi vào bế tắc.

Cuối cùng anh phải đợi đến con thứ hai đủ 1 tuổi thì nộp đơn ly hôn và chia tài sản để giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, do có liên quan đến vay nợ một vài cá nhân hiện không ở Việt Nam có yếu tố nước ngoài, nên anh phải nộp đơn tại tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 13/07/2020. Vụ việc kéo dài nhiều năm, kể cả sau khi anh nhận trách nhiệm trả nợ bớt nợ vay cá nhân ở nước ngoài, rút bớt yêu cầu về nợ trong đơn khởi kiện để sự việc đơn giản hơn về thủ tục, nhưng cuối cùng trong phiên xét xử sơ thẩm tại TAND thành phố Hà Nội (ngày 29/08/2022) anh được Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và đại diện Viện kiểm sát nhân dân giải thích là không thể chia tài sản là ngôi nhà với hiện trạng ngôi nhà đang thế chấp tại ngân hàng và cũng chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) và đề nghị hai bên về thỏa thuận chia tài sản với những nghĩa vụ vay nợ hợp lý, chính đáng của hai bên. Anh buộc phải rút yêu cầu chia tài sản để kết thúc vụ án đang xét xử.

Sau khi rút đơn, cô **T** tiếp tục yêu cầu bán nhà, trừ nợ ngân hàng và chia đôi, tiếp tục chối bỏ nghĩa vụ nợ anh đã đứng lên vay cá nhân để mua nhà. Cuối cùng, do cả hai con tòa đã giao cho mẹ nuôi dưỡng, số tiền còn lại nếu chia theo cách của cô **T** anh vẫn đủ trả nợ nên anh cũng chấp nhận phương án cô **T** đưa ra để tìm cách bán nhanh căn nhà để trả nợ. Tuy nhiên, khi anh cố gắng tìm khách mua thì cô **T** lại lần nữa vấn đề giá bán đắt rẻ, muốn tìm người mua giá cao đồng thời muốn lập vi bằng thỏa thuận chia tài sản nhưng kèm điều kiện anh không thăm nom con cái, hay phải lập tài khoản chung khi bán nhà .v.v. Anh đề xuất phương án anh viết giấy vay nợ cho cô, cô từ chối tài sản để anh tự đứng lên bán nhà, trả nợ ngân hàng sau đó trả cô 50% số tiền còn lại theo giấy vay nợ vì một căn nhà đang tranh chấp rất khó tìm được người mua cũng không được chấp thuận.

Cuối cùng vụ việc dây dưa kéo dài, bản án ly hôn có hiệu lực, ngôi nhà trở nên khó bán vì chưa có sổ và giờ thì không thể làm sổ đứng tên 2 vợ chồng do đã ly hôn, việc làm sổ trở thành phức tạp hơn. Thậm chí anh đã đề xuất, cô **T** nếu làm được sổ và bán được nhà anh cũng đồng ý chia đôi. Anh tiếp tục bế tắc, mang tai tiếng với các khoản nợ vay đã quá hạn rất lâu trong khi lãi suất ngân hàng tăng cao suốt hơn 1 năm qua.

Trong hoàn cảnh không thể tìm được giải pháp bán nhà anh tìm hiểu thì biết cô **T** và 2 con hiện ở trong căn hộ nhỏ có 1 phòng ngủ, khó đảm bảo thoải

mái khi 2 con lớn. Anh đã đề nghị cô **T** không chia nhà, anh sẽ lấy nhà cho thuê để trả nhanh hết nợ cá nhân và nợ ngân hàng giữ nhà cho con sau này nhưng chị **T** từ chối. Như vậy, bản chất vụ việc này là những tính toán lợi ích theo ý muốn cá nhân của cô **T**, bất chấp lý lẽ. Anh chưa nhận thấy sự hợp tác giải quyết vụ việc một cách khách quan, hợp lý với cá nhân anh trong mọi tình huống.

Khi còn trong thời gian hôn nhân anh bị xúc phạm nặng về tinh thần, mang nặng cảm giác bị người khác lợi dụng lòng tin, lợi dụng sự kiện chia tài sản khi ly hôn mà chiếm đoạt tài sản của người khác mà anh đứng lên vay. Sau thời gian ly hôn anh chưa được gặp cả hai con do cô **T** luôn tìm lý do trốn tránh cho việc này. Việc cho 2 cháu nhỏ gặp gỡ ông bà, anh em về phía nhà nội cũng hoàn toàn không có. Chị **T** khi chuyển ra ngoài ở, tháo dỡ hết tất cả đồ đạc thông thường như tủ lạnh, máy giặt... mang theo nhưng vẫn thi thoảng đi về, nhưng gần đây vụ không cho anh không chịu bán nhà, muốn chiếm giữ nhà.

Với nhận thức và quan điểm giải quyết vụ án của chị **T** như vậy anh nhận thấy không phù hợp với bản chất tài sản, nguồn gốc hình thành, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc tạo lập, hình thành tài sản. Ngôi nhà mới ở tình trạng dạng đầu tư lướt sóng, hình thành từ vay nợ, chưa đủ điều kiện hình thành tài sản chung của riêng hai vợ chồng trong thời gian hôn nhân, ít nhất phải chờ đến khi anh hoàn thành các nghĩa vụ vay nợ các cá nhân liên quan đến ngôi nhà. Anh đề nghị **Q** tòa xem xét kỹ hồ sơ vụ việc và có kết luận thỏa đáng.

Vụ việc hiện chưa thay đổi tình trạng so với khi được xem xét giải quyết tại toà án nhân dân thành phố Hà Nội. Nếu **Q** tòa cũng đánh giá vụ việc ở tình trạng tương tự, thì kính đề nghị **Q** tòa từ chối xem xét ngôi nhà là tài sản chung trong thời gian hôn nhân để phân chia, kết thúc vụ việc, tránh mất thời gian cho cả **Q** tòa và các bên liên quan.

Nếu **Q** tòa thấy có căn cứ giải quyết và phân chia được, kính đề nghị **Q** tòa bỏ qua tất cả các buổi hòa giải, nhanh chóng xét xử giải quyết nhanh, dứt điểm đúng pháp luật bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên.

Trong đơn đề nghị ngày 17/02/2024, anh **N trình bày:**

Liên quan đến việc chia tài sản chung trong thời gian hôn nhân, anh có nộp các bảng tổng hợp các nghĩa vụ vay nợ tính đến các thời điểm nộp đơn ly hôn, chia tài sản (07/07/2020) và nghĩa vụ nay nợ còn lại sau khi rút bớt yêu cầu chia tại thời điểm có bản án giải quyết ly hôn (29/08/2022). Văn bản này anh đã nộp tại buổi làm việc tại tòa án ngày 30/01/2024. Sau khi nghe đề nghị của Thẩm phán hướng dẫn hai bên tự thỏa thuận giải quyết, anh đã chủ động đề xuất thỏa thuận với nguyên đơn để giải quyết nhanh, mà không phải qua các thủ tục tại tòa án theo phương án lập vi bằng thỏa thuận với nội dung sau:

1. Cô **T** (nguyên đơn) làm giấy từ chối tài sản căn hộ chung cư mua trong thời gian hôn nhân.

2. Anh đứng tên căn hộ làm thủ tục hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sở hữu và bán căn hộ để trả nợ ngân hàng. Số tiền sau khi trả nợ ngân hàng anh sẽ chia đôi và thanh toán cho cô **T**, không tính toán nghĩa vụ anh vay nợ liên quan

đến việc hình thành căn nhà hay xe. Nghĩa vụ vay nợ này anh sẽ trả bằng số tiền bán nhà của anh (đã chia đôi) sau khi trả nợ ngân hàng.

Theo cách này, một phần giải quyết bằng tình cảm, không nặng việc phân chia quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản. Khi không còn tình trạng tranh chấp, mọi thủ tục sẽ không vướng mắc, anh có thể nhanh chóng bán nhà, kết thúc việc trả nợ ngân hàng và các cá nhân còn cô **T** nhận được phần tiền theo đúng như nguyện vọng. Tuy nhiên, cô **T** không đồng ý đề xuất trên, vẫn muốn mọi thủ tục phải được ghi nhận và công nhận tại tòa án. Nếu xét xử tại tòa án thì anh buộc phải kê khai nghĩa vụ vay nợ hình thành tài sản trong thời gian hôn nhân. Vì nếu không kê khai thì đó là hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng tranh chấp hôn nhân, trốn tránh nghĩa vụ vay nợ. Tính từ thời điểm có bản án ly hôn ngày 29/08/2022 đến nay anh đã trả thêm và hết nợ của 2 cá nhân (**Trần Văn Đ** và **Nguyễn Phi L1**), hiện chỉ còn các khoản vay nợ liên quan đến hai cá nhân là vợ chồng anh trai và em trai ruột. Việc kê khai này để đảm bảo rằng trong trường hợp vụ việc này chưa giải quyết xong và/hoặc anh chưa trả hết nợ (do ốm đau, tai nạn hoặc mất) thì những người cho anh vay có căn cứ pháp lý để làm các thủ tục liên quan để nhận được phần tiền đã cho anh vay bao gồm cả việc giải quyết thủ tục thừa kế nếu xảy ra trường hợp anh qua đời. Vì vậy, anh đề nghị quý tòa chỉ ghi nhận khoản vay nợ vào phần nghĩa vụ trả nợ của anh không phân chia nghĩa vụ nợ chung với cô **T** và nếu được thì không triệu tập hai người cho vay còn lại là anh và em trai anh. Anh không muốn phiền phức thêm với người thân đã cho anh vay và bị trễ hạn kéo dài (Anh và em trai anh đều đã lên có mặt tại tòa xác nhận khoản nợ trong quá trình xem xét giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và không có yêu cầu giải quyết độc lập). Thông tin về số tiền vay còn lại như sau:

1. Vũ Thị N1 – Trần Văn T4 (vợ chồng anh trai); Địa chỉ: T, N, N, Nam Định.

- Vay mua xe ô tô: 82.000.000 đ (**T6** mười hai triệu đồng) bao gồm một khoản vay 1 cây vàng (Anh **N** tạm tính 32.000.000đ do hẹn sẽ trả bằng vàng, sau cô **T** kê khai thực tế chuyển khoản trong bản án tại tòa án thành phố Hà Nội là 38.200.000đ) và khoản vay tiền 50.000.000đ tiền chuyển khoản tới tài khoản **V5** của cô **T** lần lượt vào ngày 03/09/2015 và 01/09/2015.

- Vay mua nhà chung cư: 270.000.000 đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó 1 khoản 40.000.000đ vay tiền mặt, là khoản trừ nợ cũ, vay lại luôn để mua nhà vào tháng 04/2018; và khoản 230.000.000đ, vay tiền, chuyển khoản tới tài khoản đứng tên anh tháng 04/04/2018, theo sao kê **ngân hàng M** đã nộp cho quý tòa.

2. Anh Trần Văn T5, chị Nguyễn Thị Thu P1 (vợ chồng em trai); Địa chỉ: A - tòa nhà H, KĐT D, H, Hà Nội.

Vay mua nhà chung cư: 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng) (Chuyển khoản đến tài khoản cá nhân tôi ngày 15/11/2018)

Tổng cộng các khoản nợ còn là: 402.000.000đ (Bốn trăm linh hai triệu

đồng)

Nếu vụ việc đủ căn cứ pháp lý giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị tòa xem xét kỹ lưỡng hồ sơ vụ việc, phân chia tài sản theo đúng công sức đóng góp trong việc tạo lập, hình thành và duy trì tài sản của mỗi bên theo đúng Luật Hôn Nhân Gia Đình hiện hành, nhất là trong hoàn cảnh anh **N** và chị **T** đã ly thân từ cuối năm 2019 và chị **T** hoàn toàn không tham gia vào nghĩa vụ trả nợ liên quan đến việc tạo lập, hình thành tài sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C trình bày:

Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T8 (NHCT) đã nhận được giấy triệu tập của tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đề ngày 14 tháng 11 năm 2023 về vụ án hôn nhân và gia đình số 443/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2023 đối với việc tranh chấp tài sản sau khi ly hôn, giữa nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Phương T** và bị đơn là ông **Trần Văn N**. Ngân hàng xin gửi kèm tất cả giấy tờ có liên quan đến vụ án cũng như trình bày quan điểm của chúng tôi như sau:

1. Căn cứ HĐTD số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018, đây là khoản nợ chung của ông **N** và bà **T** tại **V4 Chi nhánh T8**. Vì vậy, **V4** đề nghị Tòa án tuyên ông **N** và bà **T** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho **V4** theo đúng thỏa thuận tại HĐTD, do việc ông **N** và bà **T** chấm dứt quan hệ hôn nhân không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ dân sự của ông **N** và bà **T** phát sinh từ các giao dịch dân sự đã xác lập trước đó.

2. Trong trường hợp Tòa án phân chia cho ông **N** hoặc bà **T** được nhận căn hộ GreenBay (là tài sản đang thế chấp tại **V4 CN T** để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ chung của ông **N** và bà **T** tại HĐTD), thì bên được nhận tài sản phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo HĐTD số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018 cho **V4**. Đồng thời, sau khi được chia, tài sản này tiếp tục bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên được nhận tài sản đối với **V4**.

3. Trường hợp Tòa án quyết định bán căn hộ GreenBay và chia tiền cho ông **N**, bà **T**, đề nghị Tòa án tuyên số tiền thu được từ việc bán tài sản phải được dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ của ông **N**, bà **T** theo HĐTD số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018 cho **V4 CN Trảng An** trước khi phân chia cho mỗi bên.

4. Trường hợp Tòa án phân chia theo phương án khác, đề nghị Tòa án đưa ra phán quyết đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho **V4** theo HĐTD số 01/2018- HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018 và HĐTC số HĐMB/2018/ HDBD/NHCT189-G23420 ngày 18/04/2018 đã xác lập giữa ông **N**, bà **T** và **V4**.

Người liên quan Công ty cổ phần V3 trình bày: Về thông tin nghĩa vụ thanh toán liên quan đến căn hộ G23420 giữa Ông Trần Văn N và Công Ty.

Ngày 04/04/2018, Ông **Trần Văn N** (“Ông **N**”) đã ký kết Hợp đồng mua

bán Căn hộ số G23420/VHGB/HĐMBCH với Công ty Cổ phần P2 (“Hợp Đồng Mua Bán”) để mua Căn hộ 3420 tầng 34 tòa nhà G tại Dự Án (“Căn Hộ”).

Ngày 15/12/2018, Ông N đã nhận bàn giao Căn H và ngày 27/12/2018 Ông N đã tắt toán Hợp Đồng Mua Bán. Đến thời điểm hiện tại, Ông N đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với Công Ty. Tuy nhiên, ông N chưa cung cấp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (“Giấy Chứng Nhận”) cho căn hộ G23420 theo các thông báo của Công Ty, do đó Công Ty đã gửi thông báo về việc Ông Trần Văn N sẽ phải tự nộp hồ sơ xin cấp Giấy Chứng Nhận cho căn hộ trên theo quy định tại Hợp Đồng M.

Về quan điểm của Công Ty trong việc tham gia tố tụng: Đối với tranh chấp giữa Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Phương T trong Vụ Án này, đây là các tranh chấp về hôn nhân, gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn nên Công Ty không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Ngoài ra, bằng văn bản này, Công T7 cũng kính đề nghị Quý Tòa cho phép đại diện Công Ty vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Trường hợp Quý Tòa cần làm rõ thêm nội dung nào liên quan đến Vụ Án này hoặc cần Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu, kính đề nghị Quý Tòa gửi công văn đề Công Ty phản hồi chính thức bằng văn bản tới Quý Tòa.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 267A/HNGĐ-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội đã Quyết định: Giao chị Nguyễn Thị Phương T được sở hữu, sử dụng Căn hộ số: 34.20, tầng 34 thuộc tòa nhà S diện tích sử dụng căn hộ 56,60m², diện tích sàn xây dựng căn hộ là 61,20m² có địa chỉ tại phường M, quận N, thành phố Hà Nội thuộc dự án Khu chức năng hành chính là cây xanh, hồ điều hòa một phần công trình công cộng kết hợp nhà ở V, M, N, Hà Nội tại HĐMB số G23420/VHGB/HĐMBCH ngày 04/04/2018 giữa Công ty cổ phần P2 và anh Trần Văn N. Nay được sát nhập về Công ty cổ phần V3. Giá trị căn hộ: 2.830.000.000 đồng.

Giao chị Nguyễn Thị Phương T được sử dụng và sở hữu xe ô tô Kia Morning, Biển số 30A – 828.86, chị Nguyễn Thị Phương T đứng tên giấy chứng nhận sở hữu. Giá trị xe ô tô: 110.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Phương T chịu trách nhiệm thanh toán công nợ cho K vay ngân hàng TMCP V4 để trả góp mua căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay theo HĐ cho vay số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018. Dư nợ tính đến ngày 12/6/2024:

Dư nợ gốc là: 974.240.872 đồng.

Dư nợ lãi: 4.718.611 đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi là: 978.959.483 đồng.

Chị Nguyễn Thị Phương T chịu trách nhiệm thanh toán ngân hàng TMCP V4 toàn bộ dư nợ lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng từ ngày 13/6/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ công nợ.

Đôi trừ công nợ và tài sản buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** phải thanh toán cho anh **Trần Văn N** phần giá trị tài sản chênh lệch là: 1.142.250.518 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng, năm trăm mười tám đồng).

Sau khi thanh toán hết tiền gốc và lãi cho **ngân hàng TMCP V6 Nguyễn Thị Phương T** phải tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/6/2024, bị đơn anh **Trần Văn N** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét giao quyền sử dụng và sở hữu căn hộ số 34.20, **tòa nhà S** diện tích sử dụng căn hộ 56,60 m² có địa chỉ tại **phường M, quận N, thành phố Hà Nội** cho anh. Anh có trách nhiệm trả nợ toàn bộ cho ngân hàng và thanh toán lại một phần giá trị căn hộ cho chị **T** sau khi đã trả hết nợ cho ngân hàng. Vợ chồng anh trai và chị dâu của anh có thể hỗ trợ thu xếp cho anh mượn tiền để chi trả cho chị **T** theo phán quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Bị đơn anh **N** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do như đã trình bày ở trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị **Phạm Thị D**, đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP C** có ý kiến tại phiên tòa: Ngân hàng giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Kể từ ngày 12/6/2024 đến ngày 26/9/2024 anh **N** đã trả thêm được cho Ngân hàng tổng số tiền là 59.001.323 đồng, trong đó bao gồm: 23.347.600 đồng tiền gốc và 35.653.723 đồng tiền lãi cho khoản nợ chung của anh **N** và chị **T** tại **Ngân hàng TMCP V4** để trả góp mua căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay theo HĐ cho vay số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018. Như vậy, dư nợ gốc cho khoản nợ trên của anh **N** chị **T** tính đến ngày 26/9/2024 là 950.893.272 đồng.

Nguyên đơn chị **T** không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **N**, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định như nội dung án sơ thẩm. Chị đồng ý có trách nhiệm trả nợ cùng anh **N** số tiền gốc và lãi phát sinh kể từ ngày 12/6/2024 (là ngày xác định nợ gốc và lãi của anh chị đối với Ngân hàng theo án sơ thẩm).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **N** về việc giao quyền sở hữu **căn hộ C Vinhomes G** cho anh **N**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc giao quyền sở hữu, sử

dụng căn hộ này cho chị **T**. Chị **T** có trách nhiệm tất toán khoản nợ **ngân hàng TMCP V4** và thanh toán tiền chênh lệch cho anh **N**. Tuy nhiên, cần sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần nợ chung do anh **N** đã thanh toán cho Ngân hàng kể từ ngày 12/6/2024 đến ngày 25/9/2024 số tiền là 59.001.323 đồng bao gồm cả gốc và lãi cho khoản nợ chung của anh chị tại **Ngân hàng TMCP V4** để trả góp mua căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay theo HĐ cho vay số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh **Trần Văn N** về việc xem xét giao quyền sử dụng và sở hữu căn hộ số 34.20, **tòa nhà S** diện tích sử dụng căn hộ 56,60m² có địa chỉ tại **phường M, quận N, thành phố Hà Nội** cho anh. Anh có trách nhiệm trả nợ toàn bộ cho ngân hàng và thanh toán lại một phần giá trị căn hộ cho chị **T** sau khi đã trả hết nợ cho ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét: Chị **T** và anh **N** đã ly hôn theo bản án số 179/2022 ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại bản án này, về phần tài sản chung và nợ chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay do không thống nhất được phương án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên chị **T** làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung sau ly hôn.

Tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các bên đương sự xác định: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có tạo dựng được khối tài chung là: Căn hộ số: 34.20, tầng 34 thuộc **tòa nhà S** diện tích sử dụng căn hộ 56,60m², diện tích sàn xây dựng căn hộ là 61,20m² có địa chỉ tại **phường M, quận N, thành phố Hà Nội** thuộc dự án Khu chức năng hành chính là cây xanh, hồ điều hòa một phần công trình công cộng kết hợp nhà ở **V, M, N, Hà Nội** tại HĐMB số G23420/VHGB/HĐMBCH ngày 04/04/2018 giữa **Công ty cổ phần P2** và anh **Trần Văn N**. Nay được sát nhập về **Công ty cổ phần V3**. Hợp đồng mua bán căn hộ là 1.952.921.000. Nay giá trị căn hộ theo kết quả định giá: 2.830.000.000 đồng.

Xe ô tô Kia Morning, Biển số 30A – 828.86 chị **Nguyễn Thị Phương T** đứng tên giấy chứng nhận sở hữu. Giá trị xe ô tô theo kết quả định giá: 110.000.000 đồng.

Về nguồn tiền để mua căn hộ, anh chị đã phải vay của ngân hàng số tiền Khoản vay nợ **ngân hàng TMCP V4** để trả góp mua căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay theo HĐ cho vay số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18

tháng 04 năm 2018; Hạn mức: 1,342,497,625 đồng; Số tiền đã nhận nợ: 1,341,965,572 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu chia tài sản chung của chị **T** là có căn cứ theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi ly hôn, chị **T** là người trực tiếp nuôi hai con chung của chị và anh **N**, hiện tại chị và hai con đang ở nhờ nhà ngoại nên chị yêu cầu được sở hữu nhà sau khi ly hôn. Chị sẽ chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng và thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh **N**.

Anh **N** hiện anh làm ở Bắc Ninh, công ty có chỗ ở và sinh hoạt cho anh, cuối tuần anh mới về sinh sống ở căn hộ. Hiện anh **N** có một chiếc xe ô tô khác để đi lại.

Như vậy, sau khi ly hôn chị **T** trực tiếp nuôi hai con chung, hiện nay chị chưa có nhà riêng để ở nên xem xét về nhu cầu thực tế của chị **T** và hai con Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm giao cho chị **T** được sở hữu, sử dụng căn hộ trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **N**, giao quyền sử dụng và sở hữu căn hộ trên cho anh **N**.

Đối với chiếc xe ô tô Kia Morning, Biển số 30A – 828.86 chị **Nguyễn Thị Phương T** đứng tên giấy chứng nhận sở hữu, trị giá là 110.000.000 đồng. Anh **N** không có nhu cầu sử dụng và sở hữu. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao chiếc xe ô tô này cho chị **T** sở hữu và anh **N** cũng không kháng cáo về nội dung này nên Tòa án không xem xét.

Tổng giá trị tài sản chung của chị **T**, anh **Nghĩa 1**: 2.940.000.000 đồng. Xét công sức đóng góp để hình thành nên khối tài sản chung của anh chị là ngang nhau nên căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung cho anh chị với tỷ lệ 50/50 là có căn cứ. Tổng giá trị tài sản anh **N**, chị **T** được hưởng theo phần là 1.470.000.000 đồng.

Xét khoản nợ chung là khoản vay nợ **ngân hàng TMCP V4** để trả góp mua căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay theo HĐ cho vay số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018. Tại bản án sơ thẩm, dư nợ tính đến ngày 12/6/2024: gốc: 974.240.872 đồng; lãi 4.718.611 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 978.959.483 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện **ngân hàng TMCP V4** cung cấp số dư nợ gốc cho khoản nợ trên tính đến ngày 26/9/2024 là 950.893.272 đồng. (Do anh **N** đã thanh toán tiếp kể từ ngày 12/6/2024 đến ngày 25/9/2024 với tổng số tiền là 59.001.323 đồng). Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định khoản vay trên là nợ chung của anh **N**, chị **T** và có trách nhiệm ngang nhau là có căn cứ theo quy định tại Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình. Số nợ chung của anh chị đối với Ngân hàng tính đến ngày 26/9/2024 là 950.893.272 đồng tiền gốc, do vậy anh **N**, chị **T** phải chịu trách nhiệm thanh toán theo phần là: 475.446.636 đồng.

Số tiền anh **N** đã thanh toán cho khoản nợ tại **Ngân hàng TMCP C Chi nhánh T8** tính từ ngày 30/09/2022 (là sau thời điểm ly hôn) đến ngày xét xử sơ

thẩm là: Nợ gốc đã trả: 116.738.000 đồng và số tiền lãi 207.322.518 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm anh **N** tiếp tục trả nợ ngân hàng kể từ ngày 12/6/2024 đến ngày 25/9/2024 với tổng số tiền là 59.001.323 đồng, trong đó bao gồm: 23.347.600 đồng tiền gốc và 35.653.723 đồng tiền lãi.

Tổng gốc và lãi anh **N** đã thanh toán cho Ngân hàng là 383.016.841 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền thanh toán công nợ này cần buộc chị **T** phải chịu 50% công nợ: $383.016.841 \text{ đồng} : 2 = 191.508.420 \text{ đồng}$.

Đổi trừ công nợ và tài sản chung buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** phải thanh toán lại cho anh **N** phần giá trị tài sản chênh lệch là: Tổng giá trị tài sản được hưởng: $[2.940.000.000 \text{ đồng} : 02] - (475.446.636 \text{ đồng nợ ngân hàng tính đến ngày 26/9/2024}) + 191.508.420 \text{ đồng} (1/2 \text{ tổng số tiền anh } \mathbf{N} \text{ thanh toán cho ngân hàng từ thời điểm ly hôn đến ngày 26/9/2024}) = 1.186.061.784 \text{ đồng}$ (Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm tám tư đồng).

Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định giao quyền sử dụng và sở hữu căn hộ căn hộ G Vinhomes G tại phường M, quận N, thành phố Hà Nội cho **Nguyễn Thị Phương T**, chị **T** chịu trách nhiệm thanh toán công nợ cho khoản vay nợ **ngân hàng TMCP V4** để trả góp mua căn hộ này. Dư nợ tính đến ngày 26/9/2024 là: 950.893.272 đồng tiền gốc.

Chị **Nguyễn Thị Phương T** chịu trách nhiệm thanh toán **ngân hàng TMCP V4** toàn bộ dư nợ lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ công nợ.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh **Trần Văn N** về yêu cầu được giao quyền sử dụng và sở hữu căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay tại **phường M, quận N, thành phố Hà Nội**. Sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần nợ chung và tiền thanh toán chênh lệch của chị **T** đối với anh **N**.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí: Do sửa một phần án sơ thẩm nên anh **N** không phải chịu án phí phúc thẩm. Các bên đương sự phải chịu án phí dân sự về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 33, 38, 39, 59,60 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 267A/2024/HNGĐ-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, cụ thể như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Phương T** về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Giao chị **Nguyễn Thị Phương T** được sở hữu, sử dụng Căn hộ số: 34.20, tầng 34 thuộc **tòa nhà S** diện tích sử dụng căn hộ 56,60m², diện tích sàn xây dựng căn hộ là 61,20m² có địa chỉ tại **phường M, quận N, thành phố Hà Nội** thuộc dự án Khu chức năng hành chính là cây xanh, hồ điều hòa một phần công trình công cộng kết hợp nhà ở **V, M, N, Hà Nội** tại HDMB số G23420/VHGB/HDMBCH ngày 04/04/2018 giữa **Công ty cổ phần P2** và anh **Trần Văn N**. Nay được sát nhập về **Công ty cổ phần V3**. Giá trị căn hộ: 2.830.000.000 đồng.

Giao chị **Nguyễn Thị Phương T** được sử dụng và sở hữu xe ô tô Kia Morning, Biển số 30A – 828.86, chị **Nguyễn Thị Phương T** đứng tên giấy chứng nhận sở hữu. Giá trị xe ô tô: 110.000.000 đồng.

Chị **Nguyễn Thị Phương T** chịu trách nhiệm thanh toán công nợ cho **K** vay **ngân hàng TMCP V4** để trả góp mua căn hộ G2.3420 Vinhomes Green Bay theo HĐ cho vay số 01/2018-HĐCV/NHCT189-G23420 ngày 18 tháng 04 năm 2018. Dư nợ tính đến ngày 26/9/2024 là : 950.893.272 đồng tiền gốc.

Chị **Nguyễn Thị Phương T** chịu trách nhiệm thanh toán **ngân hàng TMCP V4** toàn bộ dư nợ lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ công nợ.

Đôi trừ công nợ và tài sản buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** phải thanh toán cho anh **Trần Văn N** phần giá trị tài sản chênh lệch là: 1.186.061.784 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi đồng).

Sau khi thanh toán hết tiền gốc và lãi cho **ngân hàng TMCP V6 Nguyễn Thị Phương T** phải tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Phương T** phải chịu 65.663.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được đối trừ với số tiền 27.600.000 đồng tạm ứng án phí chị **T** đã nộp theo biên lai số 0009053 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, chị **T** còn phải nộp là 38.063.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh **Trần Văn N** phải chịu 65.663.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh **N** đã nộp theo biên lai số 0009829 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, anh **N** còn phải nộp 65.363.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

